

BIÊN BẢN

ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

Vào hồi 08 giờ 00, ngày 20 tháng 04 năm 2019, Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (mã số doanh nghiệp 0104093672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần thứ 15 ngày 20/09/2018; trụ sở tại số 1 phố Giang Văn Minh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Hà Nội) tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 tại trụ sở Tổng Công ty.

Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 có sự tham dự của 87 cổ đông, đại diện cho 32.021.473 cổ phần, bằng 77,39% số lượng cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel với thành phần tham dự như trên đã đủ điều kiện tiến hành.

Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel còn có các vị đại biểu là:

Ông Tào Đức Thắng - Phó TGD – Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội.

Và các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Điều hành và các cổ đông của Tổng Công ty đến tham dự Đại hội.

Đại hội đã nhất trí bầu Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và Ban Kiểm phiếu như sau:

1. Đại hội đã biểu quyết và nhất trí thông qua số lượng và thành phần Đoàn Chủ tịch với tỷ lệ biểu quyết 100%. Đoàn Chủ tịch gồm :

- | | |
|------------------------|------------------|
| - Ông: Hoàng Sơn | – Chủ tịch đoàn; |
| - Ông: Trần Trung Hưng | – Thành viên; |
| - Ông: Nguyễn Đắc Luân | – Thành viên; |
| - Ông: Trương Hữu Đức | – Thành viên. |

2. Đại hội đã biểu quyết và nhất trí thông qua số lượng và thành viên Ban Kiểm tra tư cách cổ đông, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu với tỷ lệ biểu quyết 100%, cụ thể nhân sự như sau:

2.1. Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

- Ông: Nguyễn Văn Thuán – Trưởng ban;
- Ông: Ngô Phúc Tâm – Thành viên;
- Ông: Lê Công Phú – Thành viên.

2.2. Ban Thư ký:

- Ông: Ngô Quốc Vương – Trưởng ban;
- Bà: Phùng Thị Hải Hà – Thành viên.

2.3. Ban Kiểm phiếu:

- Ông: Phan Thăng Long – Trưởng ban;
- Ông: Phạm Ngọc Toàn – Thành viên;
- Bà: Nguyễn Thị Hồng Ngọc – Thành viên.

I. Diễn biến Đại hội:

1. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Văn Thuán – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông đọc Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông (Báo cáo chi tiết kèm theo).
2. Đại hội đã nghe ông Trần Văn Phúc – Ban Tổ chức, đọc Chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 (Chương trình và Quy chế làm việc chi tiết kèm theo).
3. Đại hội đã nghe ông Trần Trung Hưng đọc Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Ban Điều hành (Báo cáo chi tiết kèm theo). Với các chỉ tiêu cơ bản sau:

3.1. Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018 /KH 2018	TH 2018 /TH 2017
1	Tổng Tài Sản	Tỷ đồng	1.751,25	2.047,65	2.834,16	138,41%	161,84%
2	Vốn CSH	Tỷ đồng	489,47	690,43	680,28	98,53%	138,98%
3	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	4.054,96	4.730,00	4.976,43	105,21%	122,72%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	170,06	271,68	279,03	102,71%	164,08%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	39,83%	45,95%	46,85%	102,00%	117,62%
6	Cổ tức bằng tiền mặt	%	15%	15%	15%	100%	100%
7	Giá trị đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	242,6	527,11	216,57	41,09%	89,27%

3.2. Kế hoạch kinh doanh năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	KH 2019 /TH 2018
-----	----------	-----	---------	---------	------------------

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	KH 2019 /TH 2018
1	Tổng Tài Sản	Tỷ đồng	2.834,157	3.804,898	134,25%
2	Vốn CSH	Tỷ đồng	680,278	988,655	145,33%
3	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	4.976,43	7.723,00	155,19%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	350,029	475,288	135,78%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	279,032	380,230	136,27%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	46,85%	44,5%	93,76%
7	Cổ tức bằng tiền mặt (dự kiến)	%	15%	15%	100%
8	Giá trị đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	216,57	691,9	319,48%

4. Đại hội đã nghe ông Trần Trung Hưng đọc Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 (Tờ trình chi tiết kèm theo).
5. Đại hội đã nghe ông Hoàng Sơn đọc Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ. Phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh (Tờ trình chi tiết kèm theo):

*** Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ:**

- Lợi nhuận sau thuế để phân phối: 273,01 tỷ đồng;
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 38,19 tỷ đồng;
- Trích quỹ thưởng Ban Điều hành, BKS và thành viên HĐQT chuyên trách: 1,2 tỷ đồng;
- Cổ tức bằng tiền: 62,06 tỷ đồng, tương đương 15% vốn điều lệ. Tức là 1 cổ phiếu sẽ nhận được 1.500 đồng tiền mặt.
- Cổ tức bằng cổ phiếu: 171,55 tỷ đồng, tương đương 41,46% vốn điều lệ.

*** Phương án thực hiện đối với việc trả cổ tức bằng cổ phiếu:**

- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành trả cổ tức: 17.155.445 cổ phần (tương đương 41,46% tổng số cổ phần hiện có là 41.376.649 cổ phần).
- Tỷ lệ thực hiện: 1.000: 414 (mỗi cổ đông sở hữu 1.000 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được thưởng thêm 414 cổ phần mới).
- Nguồn phát hành: Từ LNST chưa phân phối đến 31/12/2018.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp, căn cứ vào tình

hình thị trường và hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành.

- Phương thức: Cổ đông có tên trong danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được nhận số lượng cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ thực hiện.

- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phần cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (nếu phát sinh) sau khi thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ và được ghi nhận bổ sung vào lợi nhuận chưa phân phối và để lại năm sau.

- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2019 (sau khi được UBCK chấp thuận phương án).

- Ủy quyền cho HĐQT Tổng Công ty quyết định các vấn đề như sau và giao cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty tiến hành:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2018 và quyết định việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh.
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty theo quy mô vốn điều lệ tăng thêm;
- Thực hiện đăng ký bổ sung số cổ phần theo quy định.

6. Đại hội đã nghe ông Hoàng Sơn đọc Tờ trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) (Tờ trình chi tiết kèm theo).

7. Đại hội đã nghe ông Trương Hữu Đức đọc Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018, định hướng năm 2019 và báo cáo nhiệm kỳ 2014 – 2019 và định hướng nhiệm kỳ 2019 – 2024 (Báo cáo chi tiết kèm theo).

8. Đại hội đã nghe ông Trương Hữu Đức đọc Tờ trình bổ sung ngành nghề và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty năm 2019, chi tiết như sau:

8.1. Bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
2.	Hoạt động viễn thông khác	6190
3.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
4.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
5.	Lập trình máy vi tính	6201

6.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
7.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
10.	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
11.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
12.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
13.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
14.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
15.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
16.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

8.2. Sửa đổi các ngành nghề kinh doanh sau:

TT	Thông tin ngành nghề hiện tại	Thông tin ngành nghề dự kiến thay đổi
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933) Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng và không chuyên dụng theo hợp đồng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933)
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229) Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển. - Logistics. - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu. - Hoạt động của các đại lý vé máy bay.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229)
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222) Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222)
4	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe

	bằng xe buýt) (4931) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	buýt) (4931)
5	Vận tải hành khách đường bộ khác (4932) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	Vận tải hành khách đường bộ khác (4932)

8.3. Sửa đổi điều 1, điều 3, điều 27, điều 29, điều 34 và điều 47 trong Điều lệ của Tổng Công ty (*Tờ trình chi tiết kèm theo*).

9. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Đắc Luân đọc Tờ trình thông qua thù lao năm 2018 và dự kiến thù lao năm 2019 của HĐQT và BKS (*Tờ trình chi tiết kèm theo*).

10. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Đắc Luân đọc Tờ trình về việc kết thúc nhiệm kỳ 2014 – 2019 và thông qua nhân sự nhiệm kỳ 2019 – 2024 của HĐQT và BKS (*Tờ trình chi tiết kèm theo*).

11. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Ngọc Anh – Trưởng Ban Kiểm soát đọc Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2018, định hướng năm 2019 và báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2014 – 2019 và định hướng hoạt động 2019 – 2024 (*Báo cáo chi tiết kèm theo*).

12. Đại hội đã nghe ông Nguyễn Ngọc Anh – Trưởng Ban Kiểm soát đọc Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2019 (*Tờ trình chi tiết kèm theo*).

13. Đại hội đã nghe ông Phan Thăng Long đọc Tờ trình Quy định ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS và Thẻ lệ bầu cử.

14. Đại hội miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2014 – 2019 và tổ chức bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024 với chi tiết như sau:

* Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024 là 07 thành viên (trong đó có ít nhất 01 thành viên chuyên trách)

* Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024 là 03 thành viên chuyên trách.

* Thông qua danh sách ứng viên HĐQT và BKS như sau:

Ứng viên HĐQT	Ứng viên BKS
1. Ông Tào Đức Thắng;	1. Ông Nguyễn Ngọc Anh;
2. Bà Nghiêm Phương Nhi;	2. Bà Lê Thị Thanh Thoảng;
3. Ông Trần Trung Hưng;	3. Bà Nguyễn Thị Thanh.
4. Ông Nguyễn Đắc Luân;	
5. Ông Nguyễn Việt Dũng;	

0.0104
TỔNG
CỐP
BUU
VIỆT
BA ĐÌNH

6. Ông Lương Ngọc Hải;	
7. Ông Đinh Như Tuynh.	

* Đại hội đã nghe ông Phan Thăng Long đọc Biên bản của Ban Kiểm phiếu đối với việc bầu cử thành viên HĐQT và BKS (*Biên bản chi tiết kèm theo*), danh sách ứng viên trúng cử thành viên HĐQT và BKS như sau:

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội
Thành viên HĐQT			
1	Ông Tào Đức Thắng	34.819.547	108,74%
2	Bà Nghiêm Phương Nhi	34.323.973	107,19%
3	Ông Trần Trung Hưng	30.569.294	95,46%
4	Ông Nguyễn Đắc Luân	30.436.882	95,05%
5	Ông Nguyễn Việt Dũng	33.102.058	103,37%
6	Ông Lương Ngọc Hải	31.170.531	97,34%
7	Ông Đinh Như Tuynh	29.455.073	91,99%
Thành viên BKS			
1	Ông Nguyễn Ngọc Anh	31.969.987	99,84%
2	Bà Lê Thị Thanh Thoảng	31.942.532	99,75%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh	31.917.657	99,68%

II. Biểu quyết các nội dung tại Đại hội:

Đại hội đã đọc và thảo luận từng tờ trình của HĐQT, BKS và thống nhất biểu quyết các nội dung tại Đại hội như sau

Nội dung 1: Biểu quyết chương trình và Quy chế làm việc của Đại hội:

Tỷ lệ biểu quyết:

- Tán thành: 32.021.473 cp Tỷ lệ: 100% số cổ phần tham dự đại hội.
- Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.

Nội dung 2: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Ban Điều hành:

Tỷ lệ biểu quyết:

- Tán thành: 31.915.415 cp Tỷ lệ: 99,67% số cổ phần tham dự đại hội.
- Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.
- Không có ý kiến: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.

Nội dung 3: Tờ trình thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018:

Tỷ lệ biểu quyết:

19367
CÔNG TY
HẠN
HÌNH
TỔNG
H. TP.H

- *Tán thành: 31.915.415 cp Tỷ lệ: 99,67% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 4: Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ. Phương án trả cổ tức bằng cổ phiếu và xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh:

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 31.870.826 cp Tỷ lệ: 99,53% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 2.089 cp Tỷ lệ: 0,01% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 42.500 cp Tỷ lệ: 0,13% số cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 5: Tờ trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP):

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 31.677.264 cp Tỷ lệ: 98,93% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 7.351 cp Tỷ lệ: 0,02% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 230.800 cp Tỷ lệ: 0,72% số cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 6: Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018, định hướng năm 2019 và báo cáo nhiệm kỳ 2014 – 2019 và định hướng nhiệm kỳ 2019 – 2024:

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 31.915.415 cp Tỷ lệ: 99,67% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 7: Tờ trình bổ sung ngành nghề và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty năm 2019:

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 31.910.153 cp Tỷ lệ: 99,65% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 5.262 cp Tỷ lệ: 0,02% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 8: Tờ trình thông qua thù lao năm 2018 và dự kiến thù lao năm 2019 của HĐQT và BKS:

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 31.727.005 cp Tỷ lệ: 99,08% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 188.410 cp Tỷ lệ: 0,59% số cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 9: Tờ trình về việc kết thúc nhiệm kỳ 2014 – 2019 và thông qua nhân sự nhiệm kỳ 2019 – 2024 của HĐQT và BKS:

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 31.727.115 cp Tỷ lệ: 99,08% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 188.300 cp Tỷ lệ: 0,59% số cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 10: Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2018, định hướng năm 2019 và báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2014 – 2019, định hướng hoạt động 2019 – 2024:

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 31.915.305 cp Tỷ lệ: 99,67% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 110 cp Tỷ lệ: 0,0003% số cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 11: Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng Công ty năm 2019:

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 31.915.305 cp Tỷ lệ: 99,67% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 110 cp Tỷ lệ: 0,0003% số cổ phần tham dự đại hội.*

Nội dung 12: Tờ trình Quy định ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS và Thẻ lệ bầu cử

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 32.021.473 cp Tỷ lệ: 100% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*

Biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban Kiểm phiếu về kết quả bầu cử và các nội dung biểu quyết tại Đại hội

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 32.021.473 cp Tỷ lệ: 100% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*

Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019:

Tỷ lệ biểu quyết:

- *Tán thành: 32.021.473 cp Tỷ lệ: 100% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*
- *Không có ý kiến: 0 cp Tỷ lệ: 0% số cổ phần tham dự đại hội.*

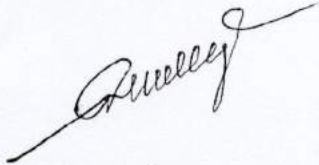
10409
HÀNG CÔNG
CỐ PHẦN
TỔNG CÔNG
VIỆT
ĐÌNH

Biên bản Đại hội gồm 10 (mười) trang, đã được đọc lại công khai cho toàn thể cổ đông cùng nghe và thống nhất ủy quyền lại cho Đoàn Chủ tịch, Ban Thư ký đại hội cùng ký tên.

Biên bản được lập và thông qua vào hồi 12 giờ 00 ngày 20/04/2019.

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



NGÔ QUỐC VƯƠNG



HOÀNG SƠN



Số: 4.1./NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (Tổng Công ty);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 40/BB-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 04 năm 2019 của Tổng Công ty.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Đại hội đồng cổ đông thông qua:

- Chương trình Đại hội;
- Quy chế làm việc của Đại hội;
- Quy định về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS;
- Thể lệ bầu cử tại Đại hội.

Điều 2: Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 và kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Ban Điều hành. Với các chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2018:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2017	KH 2018	TH 2018	TH 2018 /KH 2018	TH 2018 /TH 2017
1	Tổng Tài Sản	Tỷ đồng	1.751,25	2.047,65	2.834,16	138,41%	161,84%
2	Vốn CSH	Tỷ đồng	489,47	690,43	680,28	98,53%	138,98%
3	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	4.054,96	4.730,00	4.976,43	105,21%	122,72%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	170,06	271,68	279,03	102,71%	164,08%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	39,83%	45,95%	46,85%	102,00%	117,62%
6	Cổ tức bằng tiền mặt	%	15%	15%	15%	100%	100%
7	Giá trị đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	242,6	527,11	216,57	41,09%	89,27%

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2019:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2018	KH 2019	KH 2019 /TH 2018
1	Tổng Tài Sản	Tỷ đồng	2.834,157	3.804,898	134,25%
2	Vốn CSH	Tỷ đồng	680,278	988,655	145,33%
3	Doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	4.976,43	7.723,00	155,19%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	350,029	475,288	135,78%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	279,032	380,230	136,27%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	%	46,85%	44,5%	93,76%
7	Cổ tức bằng tiền mặt (dự kiến)	%	15%	15%	100%
8	Giá trị đầu tư mua sắm	Tỷ đồng	216,57	691,9	319,48%

Điều 3: Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.

Điều 4: Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Phương án trích các quỹ và phân phối lợi nhuận của năm 2018, cụ thể:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị	Tỷ trọng
1	LNST chưa phân phối của năm trước (Điều chỉnh LN từ năm trước)	0,24	
2	LNST Công ty mẹ	272,77	
3	LNST để phân phối	273,01	
4	Trích quỹ		
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	38,19	14%LNST
-	Trích quỹ thưởng Ban Điều hành, BKS và thành viên HĐQT chuyên trách	1,2	0,4% LNST
5	Trả cổ tức	233,62	
	<i>Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ</i>	<i>56,46%</i>	
-	Cổ tức bằng tiền	62,06	
	<i>Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ</i>	<i>15%</i>	
-	Cổ tức bằng cổ phiếu	171,55	
	<i>Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ</i>	<i>41,46%</i>	
6	LNST trong năm còn lại	-	
7	LNST lũy kế chưa phân phối	-	

2. Phương án thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu và phương án xử lý cổ phiếu lẻ phát sinh, cụ thể:

✓ *Phương án phát hành:*

- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông.

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành trả cổ tức: 17.155.445 cổ phần (tương đương 41,46% tổng số cổ phần hiện có là 41.376.649 cổ phần).
- Tỷ lệ thực hiện: 1.000: 414 (mỗi cổ đông sở hữu 1.000 cổ phần tại ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được thưởng thêm 414 cổ phần mới).
- Nguồn phát hành: Từ LNST chưa phân phối đến 31/12/2018 tại Công ty mẹ.
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức.
- Ngày chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp, căn cứ vào tình hình thị trường và hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo đúng các quy định của Pháp luật hiện hành.
- Phương thức: Cổ đông có tên trong danh sách vào ngày chốt danh sách cổ đông sẽ được nhận số lượng cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ thực hiện.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: Số lượng cổ phần cổ đông được nhận sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị, số cổ phiếu lẻ (nếu phát sinh) sau khi thực hiện trả cổ tức bằng cổ phiếu sẽ bị hủy bỏ và được ghi nhận bổ sung vào lợi nhuận chưa phân phối và để lại năm sau.
- Thời gian dự kiến phát hành: Trong năm 2019 (sau khi được UBCK chấp thuận phương án).

✓ Ủy quyền: Ủy quyền cho HĐQT Tổng Công ty quyết định các vấn đề như sau và giao cho Tổng Giám đốc Tổng Công ty tiến hành:

- Thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để thực hiện việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2018 và quyết định việc xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh.
- Thực hiện các thủ tục để thay đổi Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu;
- Chủ động sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty theo quy mô vốn điều lệ tăng thêm;
- Thực hiện đăng ký bổ sung số cổ phần theo quy định.

Điều 5: Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).

1. Chương trình, kế hoạch phát hành cổ phiếu ESOP:

a. Mục đích phát hành cổ phiếu ESOP: Nhằm gắn kết lợi ích của Người lao động với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, bổ sung nguồn vốn mở rộng kinh doanh. Thu hút người tài, đội ngũ nhân sự chủ chốt có tâm huyết, có năng lực và kinh nghiệm mong muốn cống hiến lâu dài cho Tổng Công ty.

b. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Tổng Công ty cổ phần Bưu chính Viettel.

10
NG
CỔ
LIU
VIE
101

c. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông.

d. Vốn điều lệ hiện tại: 413.766.490.000 đồng.

e. Vốn điều lệ dự kiến tại thời điểm phát hành: Sau khi thực hiện tăng vốn bằng hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 là 585.320.940.000 đồng (vốn điều lệ này có thể được điều chỉnh theo kết quả việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức).

f. Số cổ phiếu lưu hành dự kiến: 58.532.094 cổ phiếu (tương ứng mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu).

g. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 1.170.641 cổ phiếu (tương đương 2%*Số lượng cổ phiếu lưu hành tại thời điểm phát hành).

h. Đối tượng phát hành cổ phiếu ESOP: HĐQT quyết định dựa trên việc lựa chọn cán bộ quản lý, Người lao động có thành tích công tác, đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và các Công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% vốn; các trường hợp khác do HĐQT quyết định.

i. Tiêu chí phân bổ quyền mua cổ phiếu ESOP: HĐQT quyết định dựa trên chức danh công việc, thâm niên công tác và các tiêu chí khác do HĐQT quyết định.

k. Nguyên tắc xác định giá phát hành: HĐQT quyết định, nhưng không thấp hơn giá trị sổ sách của cổ phiếu trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm phát hành.

m. Hạn chế chuyển nhượng: Trong vòng 02 năm kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

l. Thời gian thực hiện: Quý 4 năm 2019 (sau khi hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức).

o. Xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu ESOP không phân phối hết: Đối với số lượng cổ phiếu ESOP lẻ do làm tròn sau khi tính toán phân bổ và/hoặc còn thừa do cá nhân từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số cổ phiếu được quyền mua sẽ tự động hủy và không được chuyển nhượng quyền mua cho người khác.

2. Tổ chức thực hiện:

Ngoài các nội dung đã nêu trên, Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT quyết định các vấn đề liên quan như sau:

- Xây dựng và ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu ESOP năm 2019 cho người lao động để thực hiện chương trình này.

- Quyết định số lượng cổ phiếu phát hành thành công sau khi xử lý cổ phiếu lẻ, số cổ phiếu không được mua.

109
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Quyết định giá phát hành, thời điểm phát hành, danh sách chi tiết đối tượng tham gia, tiêu chí phân bổ cổ phiếu và các trường hợp thu hồi cổ phiếu ESOP.

- Thực hiện các thủ tục cần thiết để đăng ký phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), bổ sung hoặc sửa đổi theo yêu cầu của UBCKNN hoặc cho mục đích tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. Hoàn tất các thủ tục đăng ký giao dịch để bổ sung số cổ phiếu phát hành với Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

- Thực hiện thủ tục tăng vốn điều lệ và sửa đổi điều lệ của Tổng Công ty sau khi hoàn thành việc phát hành cổ phiếu.

- Từng nội dung cụ thể, HĐQT giao cho Ban điều hành tổ chức thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 6: Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2018, định hướng năm 2019 và báo cáo nhiệm kỳ 2014 – 2019 và định hướng nhiệm kỳ 2019 – 2024.

Điều 7: Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Bổ sung các ngành nghề kinh doanh sau:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
2.	Hoạt động viễn thông khác	6190
3.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
4.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
5.	Lập trình máy vi tính	6201
6.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
7.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
8.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
9.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
10.	Bán lẻ hàng may mặc, giày, dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
11.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
12.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
13.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
14.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa	4753

	hàng chuyên doanh	
15.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
16.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764

2. Sửa đổi các ngành nghề kinh doanh sau:

TT	Thông tin ngành nghề hiện tại	Thông tin ngành nghề dự kiến thay đổi
1	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933) Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng và không chuyên dụng theo hợp đồng	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (4933)
2	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229) Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển. - Logistics. - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu. - Hoạt động của các đại lý vé máy bay.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (5229)
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222) Chi tiết: Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (5222)
4	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng taxi	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) (4931)
5	Vận tải hành khách đường bộ khác (4932) Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	Vận tải hành khách đường bộ khác (4932)

3. Sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty như sau:

- Sửa điều 1 về giải thích thuật ngữ;
- Sửa điều 3 về ngành nghề kinh doanh;
- Sửa điều 27 về thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị;
- Sửa điều 29 về quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;
- Sửa điều 34 về bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng

Giám đốc;

- Sửa điều 47 về quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.



Chi tiết sửa đổi theo tờ trình của HĐQT.

Giao Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc thực hiện sửa đổi Điều lệ và thực hiện các thủ tục bổ sung ngành nghề theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Đại hội đồng cổ đông thông qua tờ trình thù lao năm 2018 và dự kiến thù lao năm 2019 của HĐQT và BKS, như sau:

1. Mức thù lao đã chi trả năm 2018:

* Hội đồng quản trị và thư ký: Tổng mức thù lao, lương, thưởng cả năm 2018 là: 483.900.000 đồng, trong đó:

- Thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách và Thư ký HĐQT là:

- Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao cho Phó Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT không chuyên trách: 2.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao cho Thư ký HĐQT: 1.500.000 đồng/tháng.

- Lương, thưởng của 01 thành viên HĐQT chuyên trách: Thực hiện chi trả theo Quy chế lương, thưởng của Tổng Công ty theo Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCD được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 28/04/2018.

* Ban Kiểm soát: Tổng mức thù lao, lương, thưởng cả năm 2018 là: 892.184.077 đồng, trong đó:

- Tổng thù lao của 03 thành viên BKS không chuyên trách từ tháng 1 đến tháng 4 là 16.000.000 đồng.

- Lương, thưởng của 03 thành viên BKS chuyên trách: Thực hiện chi trả theo Quy chế lương, thưởng của Tổng Công ty Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCD được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 28/04/2018.

2. Mức thù lao kế hoạch năm 2019:

* Hội đồng quản trị và thư ký: Dự kiến tổng mức thù lao, lương, thưởng là 2.300.000.000 đồng, trong đó:

- Thù lao của thành viên HĐQT không chuyên trách và Thư ký HĐQT là:

- Thù lao cho Chủ tịch HĐQT: 10.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao cho 05 thành viên HĐQT không chuyên trách: 7.000.000 đồng/người/tháng.
- Thư ký Hội đồng quản trị không chuyên trách: 5.000.000 đồng/tháng.

- Lương, thưởng của 01 thành viên HĐQT chuyên trách: Thực hiện chi trả theo Quy chế lương, thưởng của Tổng Công ty.

* Ban Kiểm soát 03 thành viên chuyên trách: Dự kiến tổng mức lương, thưởng là 1.800.000.000 đồng và thực hiện chi trả theo Quy chế lương, thưởng của Tổng Công ty.

U.D
T.M
C
B.L
T.B.A

Điều 9: Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Miễn nhiệm các thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2014 – 2019.
2. Quyết định số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019 – 2024 là 07 thành viên (trong đó có ít nhất 01 thành viên chuyên trách), số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024 là 03 thành viên chuyên trách.
3. Bổ nhiệm thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2019 – 2024 như sau:

TT	Họ và tên	Số phiếu bầu	Tỷ lệ so với tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội
Thành viên HĐQT			
1	Ông Tào Đức Thắng	34.819.547	108,74%
2	Bà Nghiêm Phương Nhi	34.323.973	107,19%
3	Ông Trần Trung Hưng	30.569.294	95,46%
4	Ông Nguyễn Đắc Luân	30.436.882	95,05%
5	Ông Nguyễn Việt Dũng	33.102.058	103,37%
6	Ông Lương Ngọc Hải	31.170.531	97,34%
7	Ông Đinh Như Tuynh	29.455.073	91,99%
Thành viên BKS			
1	Ông Nguyễn Ngọc Anh	31.969.987	99,84%
2	Bà Lê Thị Thanh Thoảng	31.942.532	99,75%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh	31.917.657	99,68%

Điều 10: Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2018, định hướng năm 2019 và báo cáo kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2014 – 2019, định hướng hoạt động 2019 – 2024.

Điều 11: Đại hội đồng cổ đông giao HĐQT quyết định lựa chọn một Công ty Kiểm toán trong danh sách các công ty dưới đây, theo đề xuất của BKS và giao Tổng Giám đốc ký kết hợp đồng dịch vụ kiểm toán với Công ty Kiểm toán được chọn để thực hiện kiểm toán hoặc soát xét Báo cáo tài chính quý, Báo cáo tài chính bán niên (6 tháng) và Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

Danh sách các đơn vị kiểm toán như sau:

- Công ty TNHH KPMG;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam;
- Công ty TNHH PwC Việt Nam;
- Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam);
- Công ty TNHH Kiểm toán tư vấn A&C;
- Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam;
- Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.

Điều 12: Tổ chức thực hiện:

